

UNIT 4:**OUR CUSTOMS AND TRADITIONS****I/ NEW WORDS: COMMUNICATION**

- prong	(n) : răng nĩa, ngạnh
- mat	(n) : chiếu, thảm chùi chân
- cutlery	(n) : bộ đồ ăn (thìa, đĩa, dao)
- palm	(n) : lòng bàn tay
- host	(n) : chủ nhà (nam)
- hostess	(n) : chủ nhà (nữ)
- dessert	(n) : món tráng miệng
- main course	(n) : món chính
- fork	(n) : cái nĩa
- spoon	(n) : cái thìa
- break off	(v) : bẻ ra
- tray	(n) : cái khay